TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HIỆP HÒA** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/DS-ST
Ngày: 25-6-2024
V/v "Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA – BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sự
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Trứ
Ông Nguyễn Xuân Trường

-Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Kim Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa: Bà Nguyễn Thị Hồng N- Kiểm sát viên

Ngày 25/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 97/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/QĐXXST-DS ngày 30/5/2024 giữa:

Nguyên đơn:Ông Nguyễn Ngọc K, *sinh năm 1964 (có mặt)*
Nơi cư trú: thôn G, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang
***Bị đơn:** Anh Hoàng Văn K1, sinh năm 1984 (vắng mặt)*
Nơi cư trú: thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
-Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1972 (vợ ông K) (vắng mặt)
(Bà U ủy quyền cho ông K)
Nơi cư trú: thôn G, xã L, huyện H, tỉnh Bắc Giang
-Chị Phạm Thị Y, sinh năm 1983 (vợ anh K1) (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn A, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2024, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc K trình bày như sau: Do có mối quan hệ quen biết, nên ngày 28/02/2019 âm lịch (02/4/2019 dương lịch), anh K1 có vay của ông số tiền 30.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 4 tháng, mục đích vay là để sử dụng vào việc cá nhân. Đến ngày 03/3/2019 âm lịch (07/4/2019 dương lịch), anh K1 tiếp tục vay ông số tiền 5.000.000 đồng, vay không lãi suất, thời hạn vay là từ 03/3/2019 đến 08/3/2019, mục đích vay để dùng vào việc cá nhân. Tổng 2 lần vay là 35.000.000 đồng. Hai bên có viết giấy vay tiền,

anh K1 đã cầm tiền đầy đủ, chữ viết tại giấy vay và chữ ký tại phần người vay tiền là do anh K1 viết và ký. Ông xác định đây là nợ cá nhân của anh K1 và là tài sản riêng của cá nhân ông. Kể từ đến ngày trả nợ nhưng anh K1 vẫn chưa trả được ít tiền nào. Ông đã đòi nhiều lần nhưng anh K1 vẫn không trả được số tiền gốc và lãi nào.

Trong đơn khởi kiện, ông khởi kiện yêu cầu cá nhân anh K1 trả cho cá nhân ông số tiền gốc là 35.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi chậm trả tính 10%/năm, tính từ ngày 01/6/2019 âm lịch (03/7/2019 dương lịch) cho đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa ông K có mặt và ông xin rút yêu cầu trả lãi suất, ông chỉ yêu cầu cá nhân anh K1 trả cho ông số tiền gốc là 35.000.000 đồng.

*Bị đơn anh K1 vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập lên làm việc hợp lệ, nhưng không lên Tòa án làm việc và từ bỏ quyền lợi của mình.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Y vắng mặt tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập lên làm việc hợp lệ, nhưng không lên Tòa án làm việc và từ bỏ quyền lợi của mình.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị U (vợ ông K) trình bày: Bà không biết việc ông K chồng bà cho anh K1 vay tiền cụ thể như thế nào. Bà xác định số tiền ông K cho anh K1 vay là tiền của cá nhân ông K, không liên quan đến tài sản chung của vợ chồng. Bà ủy quyền cho chồng bà là ông Nguyễn Ngọc K tham gia tố tụng từ giai đoạn thụ lý đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa bà U vắng mặt và có đơn xin vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành tốt, bị đơn, người cơ quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa tốt.

Áp dụng Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144, Điều 147; Điều 244; Điều 266; Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 469 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc K

Buộc anh Hoàng Văn K1 phải trả cho cá nhân ông Nguyễn Ngọc K số tiền gốc là 35.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

3. Về án phí: anh Hoàng Văn K1 phải chịu 1.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả cho ông K số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và về thẩm quyền: Ông Nguyễn Ngọc K khởi kiện yêu cầu anh K1 trả số tiền gốc, xác định là quan hệ tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"* theo Điều 463 của Bộ luật dân sự và theo Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa cá nhân với cá nhân. Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện H, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa thụ lý và giải quyết

vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người nêu trên là có căn cứ.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông K khởi kiện yêu cầu anh K1 trả cho ông số tiền gốc 35.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi thì thấy: ngày 28/02/2019 âm lịch (02/4/2019 dương lịch), anh K1 vay của ông K số tiền 30.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn vay là 4 tháng, mục đích vay là để sử dụng vào việc cá nhân. Đến ngày 03/3/2019 âm lịch (07/4/2019 dương lịch), anh K1 lại tiếp tục vay ông K số tiền 5.000.000 đồng, vay không lãi suất, thời hạn vay là từ 03/3/2019 đến 08/3/2019, mục đích vay để dùng vào việc cá nhân. Tổng 2 lần vay là 35.000.000 đồng. Ông K xác định anh K1 chưa trả số tiền gốc nào. Bản thân anh K1, chị Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không lên Tòa án làm việc, cũng như không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông K. Như vậy, anh K1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay ông K yêu cầu anh K1 phải trả cho cá nhân ông số tiền nợ gốc là: 35.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: Ông K xác định là nợ riêng của anh K1, ông K và bà U đều xác định là tài sản riêng của ông K. Do vậy, buộc anh K1 phải có nghĩa vụ trả cho ông K là có căn cứ.

[5] Về lãi suất cho vay: Tại giấy biên nhận vay tiền đều không ghi mức lãi, phía nguyên đơn trình bày vay không có lãi suất, trong giấy vay có 1 mã ghi thời hạn trả, 1 mã không ghi thời hạn trả nợ. Như vậy, xác định là hợp đồng vay có thời hạn và không có thời hạn trả, không có lãi. Khi đến thời hạn trả nợ anh K1 không trả được. Tại phiên tòa ông K rút yêu cầu trả lãi, việc rút yêu cầu là tự nguyện, nên cần đình chỉ theo khoản 2 Điều 244 BLTTDS là phù hợp.

[6] Về lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Do các bên không thỏa thuận được nên lãi suất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông K được chấp nhận nên anh K1 phải chịu 1.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông K được hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 3 Điều 144, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468; Điều 469 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 - Điều 26 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc K.

Buộc anh Hoàng Văn K1 phải trả cho cá nhân ông Nguyễn Ngọc K số tiền gốc là 35.000.000 đồng.

2.Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Đình chỉ đối với yêu cầu trả lãi do ông K rút yêu cầu.

4.Về án phí: Anh Hoàng Văn K1 phải chịu 1.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả ông K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 875.000 đồng theo biên lai số 0003883 ngày 15/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Sự